

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v Phương án thăm dò, khai thác,  
sử dụng khoáng sản đất, cát xây  
dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng  
thông thường trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 124/TTr-SXD ngày 19/5/2022 về việc ban hành Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 16/3/2022, số 112-KL/TU ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thông qua Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung chủ yếu như sau:

- Tổng số điểm mỏ vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh 140 điểm mỏ. Trong đó: 130 điểm mỏ đất san lấp, tổng diện tích là 1.711,24 ha, với tổng tài nguyên dự báo đạt 85.019.000 m<sup>3</sup>; 07 điểm mỏ cát xây dựng, tổng diện tích là 30,35 ha, với tổng tài nguyên dự báo đạt 709.000 m<sup>3</sup>; 03 điểm mỏ đất sét, tổng diện tích là 15,47 ha, với tổng tài nguyên dự báo đạt 309.400 m<sup>3</sup>.

*(Chi tiết theo Phụ lục 1)*

- Tổng số điểm mỏ đất san lấp phục vụ cho dự án cao tốc Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Bình Định là 29 điểm mỏ, tổng diện tích là 471,20 ha, với tổng tài nguyên dự báo là 31.762.500 m<sup>3</sup>. Cụ thể:

+ Tại khu vực phía Bắc tỉnh (từ Hoài Nhơn đến Phù Mỹ): Huy động nguồn đất san lấp từ các điểm mỏ tại các địa phương có công trình đi qua: Hoài Ân (số hiệu TDHA: 11, 15, 17, 23, 24, 28, 29); Hoài Nhơn (số hiệu TDHN: 19, 24, 25, 26, 27, 30); Phù Mỹ (số hiệu TDPM: 10, 11, 12, 13, 23, 24, 25). Tài nguyên huy động khoảng 17.960.800 m<sup>3</sup>.

+ Tại khu vực phía Nam tỉnh (từ Phù Cát đến Quy Nhơn): Huy động nguồn đất san lấp từ các điểm mỏ tại các địa phương: Phù Mỹ (số hiệu TDPM: 26, 27, 28), Tây Sơn (số hiệu TDTS 22, 27), Vân Canh (số hiệu TDVC: 6, 7, 8, 15). Trong đó, các điểm mỏ Phù Mỹ huy động phục vụ nhu cầu cho đoạn tuyến qua huyện Phù Cát; các điểm mỏ Tây Sơn huy động phục vụ nhu cầu cho đoạn tuyến qua thị xã An Nhơn; các điểm mỏ Vân Canh huy động phục vụ nhu cầu cho đoạn tuyến qua huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn. Tài nguyên huy động khoảng 13.801.700 m<sup>3</sup>.

*(Chi tiết theo Phụ lục 2)*

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, NN&PTNT, TC, GTVT, KH&ĐT;
- Ban QL KKT tỉnh;
- Các BQLDA: DD&CN, GTVT, NN&PTNT;
- TTPTQĐ tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K10, K19, K14.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)

tt	Huyện/Thị xã	Đất san lấp			Cát xây dựng			Đất sét		
		Số điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên (m <sup>3</sup> )	Số điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên (m <sup>3</sup> )	Số điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên (m <sup>3</sup> )
1	An Lão	3	10,21	408.400						
2	Hoài Ân	26	175,30	10.644.700	1	12,50	250.000			
3	Hoài Nhơn	22	303,30	18.438.400						
4	Phù Mỹ	26	330,28	20.951.334	1	3,00	60.000			
5	Phù Cát	10	109,40	2.305.500	2	9,10	284.000			
6	An Nhơn	4	38,87	1.950.000						
7	Quy Nhơn	8	259,39	6.240.466						
8	Tây Sơn	10	91,47	4.090.500				2	11,47	229.400
9	Vân Canh	17	361,42	18.725.700	1	2,00	40.000	1	4,00	80.000
10	Vĩnh Thạnh	4	31,60	1.264.000	2	3,75	75.000			
	<b>Tổng</b>	<b>130</b>	<b>1.711,24</b>	<b>85.019.000</b>	<b>7</b>	<b>30,35</b>	<b>709.000</b>	<b>3</b>	<b>15,47</b>	<b>309.400</b>

## PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Văn bản số \_\_\_\_\_ /UBND-KT ngày \_\_\_\_\_ / 2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Số mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (m <sup>3</sup> )	Số hiệu điểm mỏ
1	Hoài Ân	7	58,0	4.109.800	TDHA: 11, 15, 17, 23, 24, 28, 29
2	Hoài Nhơn	6	96,1	7.297.600	TDHN: 19, 24, 25, 26, 27, 30
3	Phù Mỹ	10	138,9	8.831.400	TDPM: 10, 11, 12, 13, 23, 24, 25, 26, 27, 28
4	Tây Sơn	2	53,3	2.545.000	TDTS: 22, 27
5	Vân Canh	4	124,9	8.978.700	TDVC: 6, 7, 8, 15
	<b>Tổng cộng</b>	<b>29</b>	<b>471,2</b>	<b>31.762.500</b>	